|  |
| --- |
|  **TUẦN 28 Khối 5 (Từ ngày 25/3/2024 đến ngày 29/3/2024)** |
|  |
| **THỨ** | **TIẾT** | **MÔN** | **TIẾT THỨ** | **NỘI DUNG BÀI DẠY** | **UDCNTT** | **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC** |
| Hai25/3 | 1 | GDTT | 49 | Phòng chống đuối nước: Bài 6 |   | Video |
| 2 | Tập đọc | 55 | Ôn tập (Tiết 1) |   | PHT |
| 3 | Toán | 136 | Luyện tập chung | Soi bài | Máy soi |
| 4 | Lịch sử |  |  |  |  |
| 5 | TV(BS) | 49 | Ôn LTVC | Trình chiếu | Máy tính, ti vi. |
| 6 | Toán (BS) | 49 | Luyện tập | Trình chiếu | Máy tính, ti vi. |
| 7 | Thể dục | 55 | Môn thể thao tự chọn |   | Còi, sân tập |
| Ba 26/3 | 1 | Đạo đức |  |  |  |  |
| 2 | Chính tả | 28 | Ôn tập (Tiết 2) |   | PHT |
| 3 | Toán | 137 | Luyện tập chung | Soi bài | Máy soi |
| 4 | LTVC | 55 | Ôn tập (Tiết 3) |   | PHT |
| 5 | NN |  |  |  |  |
| 6 | LTVC | 56 | Ôn tập (Tiết 4) |   | PHT |
| 7 | TV(BS) | 50 | Ôn TLV | Trình chiếu | Máy tính |
| Tư27/3 | 1 | Kể chuyện | 28 | Ôn tập (Tiết 5) |   |   |
| 2 | Toán | 138 | Luyện tập chung | Soi bài | Máy soi |
| 3 | Tập đọc | 56 | Ôn tập (Tiết 6) |   | PHT |
| 4 | Khoa học |  |  |  |  |
| 5 | Thể dục | 56 | Môn thể thao tự chọn |   | Bóng, dây nhảy |
| 6 | Âm nhạc |  |  |  |  |
| 7 | Kĩ thuật |  |  |  |  |
| Năm28/3 | 1 | TLV | 55 | Ôn tập (Tiết 7) |  | PHT |
| 2 | Toán | 139 | Ôn tập về số tự nhiên | Soi bài | Máy soi, HHCN |
| 3 | Mĩ thuật |  |  |  |  |
| 4 | Địa lý |  |  |  |  |
| 5 | Toán (BS) | 50 | Luyện tập | Soi bài | Máy soi |
| 6 | Khoa học |  |  |   |  |
| 7 | Đọc sách | 25 | Nước không được chia |   | Sách theo chủ đề |
| Sáu29/3 | 1 | NN |  |  |  |  |
| 2 | Toán | 140 | Ôn tập về phân số | Soi bài | Máy soi |
| 3 | TLV | 56 | Kiểm tra giữa HKII |   | Đề KT |
| 4 | GDTT | 50 | SH lớp |   |   |
| 5 |   |  |  |   |   |
| 6 |   |  |  |  |  |
| 7 |   |  |  |  |  |

**TUẦN 28**

**Thứ Hai ngày 25 tháng 3 năm 2024**

***Sáng***

**Tiết 1: Giáo dục tập thể**

**PHÒNG TRÁNH ĐUỐI NƯỚC**

**BÀI 6: PHÒNG TRÁNH ĐUỐI NƯỚC Ở MƯƠNG**

I. MỤC TIÊU:

- Biết nguyên nhân gây ra đuối nước ở mương.

- Biết được cách phòng tránh đuối nước ở mương.

II. CHUẨN BỊ:

- GV: Sách hướng dẫn Phòng chống đuối nước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
|  **Hoạt động 1: Tình huống** *MT: HS đọc hiểu được nội dung tình huống*- Yêu cầu HS tự đọc tình huống trang 23 **Hoạt động 2: Tìm hiểu nguyên nhân** *MT: HS tìm được những nguyên nhân có nguy cơ không an toàn với Lan và Hà*Các bước tiến hành:- Cho HS đọc tìm hiểu nguyên nhân- Thảo luận nhóm- GV nhận xét **Hoạt động 3: Thực hành - Cách xử lý** **Bài tập 1:***MT: HS biết những nguy cơ có thể làm Lan ngã xuống mương* Các bước tiến hành:- Nêu yêu cầu bài tập- Làm bài tập- Cho HS trình bày- GV nhận xét **Bài tập 2** *MT: HS viết đựợc câu đối thoại với nội dung cho trước* Các bước tiến hành: - Nêu yêu cầu bài tập- Cho HS thảo luận nhóm - GV nhận xét- Hỏi: Cách lựa chọn của em có lợi gì?- Nhận xét **Bài tập 3** *MT: HS nêu được hành vi an toàn và không an toàn để phòng chống đuối nước* Các bước tiến hành:- Nêu yêu cầu bài tập- Thảo luận nhóm- Cho các nhóm báo cáo- GV kết luận  **Bài tập 4: Trải nghiệm cá nhân** *MT: HS tự mình rút ra bài học về phòng tránh đuối nước* Cách tiến hành:- Nêu yêu cầu bài tập- Làm bài tập- Cho HS trình bày- GV kết luận **Hoạt động 4: Ứng dụng/ Trải nghiệm**- GV nêu yêu cầu  | - HS tự đọc và hiểu nội dung tình huống trang 23- HS đọc- Thảo luận nhóm đôi- Đại diện nhóm trình bày- Nhận xét- HS nêu yêu cầu bài tập- Lớp làm bài tập- HS trình bày- Lớp thảo luận trình bày của bạn và nêu ý kiến- Nêu yêu cầu bài tập- Làm việc nhóm đôi- Đại diện nhóm trình bày- Lớp thảo luận trình bày của nhóm và nêu ý kiến- Suy nghĩ – thi đua nêu- Nhận xét- Nêu yêu cầu bài tập - Làm việc theo nhóm- Đại diện các nhóm trình bày- Lớp thảo luận trình bày của nhóm và nêu ý kiến- Nêu yêu cầu bài tập - Tự làm bài tập- HS trình bày suy nghĩ của mình- Lớp thảo luận trình bày của bạn và nêu ý kiến- 1 – 2 HS đọc nội dung Ghi nhớ trong sách- Tìm hiểu nơi ở nhà có mương không (số lượng, ích lợi, có gây hậu quả gì không) để tiết sau báo cáo |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 2: Tập đọc**

**ÔN TẬP TIẾT 1**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức**

- Nắm được các kiểu cấu tạo câu để điền đúng bảng tổng kết (BT2).

**-** Đọc trôi chảy, l­ưu loát bài tập đọc đã học; tốc độ khoảng 115 tiếng/ phút; đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 4-5 bài thơ (đoạn thơ), đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn.

\* HSHTT: đọc diễn cảm thể hiện đúng nội dung văn bản nghệ thuật, biết nhấn giọng những từ ngữ, hình ảnh mang tính nghệ thuật.

**2. Năng lực:**

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** GD học sinh tình yêu quê hư­ơng, đất nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ kẻ bảng tổng kết “Các kiểu cấu tạo câu” (BT1); bảng nhóm.

- HS: SGK, vở

**2.Phương phápvà kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp: thảo luận, làm mẫu, quan sát, vấn đáp, giảng giải…

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)** |
| - Cho HS chơi trò chơi "Hộp quà bí mật" đọc và trả lời câu hỏi trong bài "Đất nước"- GV nhận xét- Giới thiệu bài - ghi bảng | - HS chơi trò chơi- HS nghe- HS ghi vở |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)***\* Mục tiêu:*- Đọc trôi chảy, l­ưu loát bài tập đọc đã học; tốc độ khoảng 115 tiếng/ phút; đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 4-5 bài thơ (đoạn thơ), đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn.- Nắm được các kiểu cấu tạo câu để điền đúng bảng tổng kết (BT2).*\* Cách tiến hành:* |
| ***Bài 1: Ôn luyện tập đọc và HTL***- Cho HS lên bảng gắp thăm bài đọc- Yêu cầu HS đọc bài gắp thăm được và trả lời 1 đến 2 câu hỏi về nội dung bài đọc.- GV nhận xét đánh giá.***Bài 2: Tìm ví dụ để điền vào bảng tổng kết sau:***- Gọi HS đọc yêu cầu của bài- Cho HS thảo luận cặp đôi theo câu hỏi:+ Bài tập yêu cầu làm gì ?- Thế nào là câu đơn? Câu ghép ?- Có những loại câu ghép nào ?- Yêu cầu HS nhận xét bài bạn trên bảng- Giáo viên nhận xét chữa bài. | - Lần lượt từng HS gắp thăm bài (5 HS) về chỗ chuẩn bị.- HS trả lời- HS nhận xét- 1 HS đọc yêu cầu của bài. Cả lớp đọc thầm.- Nhóm trưởng điều khiển nhóm+ Bài tập yêu cầu tìm ví dụ minh hoạ cho từng kiểu câu (câu đơn và câu ghép) - HS nêu.+ Câu ghép không dùng từ nối+ Câu ghép dùng từ nối- HS làm bài vào vở, 1 HS đại diện làm bài bảng lớp. - HS nhận xét, chia sẻ- Các kiểu cấu tạo câu*- Câu đơn*Ví dụ:Biển luôn thay đổi màu tuỳ theo sắc mây trời.*- Câu ghép*+ Câu ghép không dùng từ nốiVí dụ:Lòng sông rộng, n­ước xanh trong.+ Câu ghép dùng từ nốiVí dụ:Súng kíp của ta mới bắn một phát *thì* súng của họ đã bắn được 5, 6 phát.Nắng vừa nhạt, s­ương đã buông nhanh xuống mặt biển. |
| **3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)** |
| - Câu văn dưới đây là câu đơn hay câu ghép:*Trời rải mây trắng nhạt, biểm mơ màng dịu hơi sương.* | - HS nêu: câu ghép |
| - Về nhà luyện tập viết đoạn văn có sử dụng các câu ghép được nối với nhau bằng các cách đã được học. | - HS nghe và thực hiện |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 3: Toán**

**LUYỆN TẬP CHUNG**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức**

- Biết tính vận tốc, thời gian, quãng đường.

- Biết đổi đơn vị đo thời gian.

- HS vận dụng kiến thức về tính vận tốc, thời gian, quãng đường, đổi đơn vị đo thời gian để làm các bài tập theo yêu cầu.

- HS làm bài 1, bài 2.

**2. Năng lực:**

+ Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, bảng nhóm

- HS: SGK, vở

**2.Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp: làm mẫu, quan sát, vấn đáp, giảng giải, thực hành luyện tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)** |
| - Cho HS chơi trò chơi "Truyền điện" : Nêu cách tính vận tốc, quãng đ­ường, thời gian của chuyển động.- GV nhận xét- Giới thiệu bài - Ghi bảng  | - HS chơi trò chơi- HS nghe- HS ghi vở  |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)***\* Mục tiêu:* - Biết tính vận tốc, thời gian, quãng đường.- Biết đổi đơn vị đo thời gian.- HS làm bài 1, bài 2.*\* Cách tiến hành:* |
| **Bài 1: HĐ cặp đôi**- Gọi HS đọc yêu cầu của bài- Cho HS thảo luận cặp đôi theo câu hỏi:+ Muốn biết mỗi giờ ô tô đi nhiều hơn xe máy bao nhiêu km ta phải biết điều gì?- Yêu cầu HS làm bài- GV nhận xét chốt lời giải đúng- Cho HS chia sẻ trước lớp:+ Thời gian đi của xe máy gấp mấy lần thời gian đi của ô tô?+ Vận tốc của ô tô gấp mấy lần vận tốc của xe máy ?+ Bạn có nhận xét gì về mối quan hệ giữa vận tốc và thời gian khi chuyển động trên một quãng đ­ường?**Bài 2 : HĐ cá nhân**- Gọi HS đọc đề bài- Yêu cầu HS làm bài- GV nhận xét chốt lời giải đúng**Bài tập chờ****Bài 4: HĐ cá nhân**- Cho HS đọc bài, tóm tắt bài toán rồi làm bài.- GV quan sát, hướng dẫn HS nếu cần thiết. | - HS đọc - Biết dược vận tốc của ô tô và xe máy. - HS làm vở, 1 HS lên bảng giải sau đó chia sẻ cách làm:Bài giải4 giờ 30 phút = 4,5 giờMỗi giờ ô tô đi đ­ược là :135 : 3= 45 (km)Mỗi giờ xe máy đi đ­ược là :135 : 4,5 = 30 (km)Mỗi giờ ô tô đi đ­ược nhiều hơn xe máy là :45 - 30 = 15( km)Đáp số : 15 km- HS chia sẻ-Thời gian đi của xe máy gấp 1,5 lần thời gian đi của ô tô.- Vận tốc của ô tô gấp 1,5 lần vận tốc của xe máy - Cùng quãng đ­ường, nếu thời gian đi của xe máy gấp 1,5 lần thời gian đi của ô tô thì vận tốc của ô tô gấp 1,5 lần vận tốc của xe máy- HS đọc - HS làm vở, 1 HS lên bảng chi sẻ cách làmGiải :1250 : 2 = 625 (m/phút); 1giờ = 60 phútMột giờ xe máy đi đ­ược là :625 x 60 = 37 500 (m)37500 m = 37,5 kmVận tốc của xe máy là : 37,5 km/ giờ Đáp số : 37,5 km/giờ- HS đọc bài , tóm tắt bài toán rồi làm bài sau đó báo cáo giáo viên Bài giải 72km/giờ = 72 000m/giờThời gian để cá heo bơi 2400m là: 2400 : 72000 = 1/30 (giờ) 1/30 giờ = 2 phút Đáp số: 2 phút |
| **3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)** |
| - Vận dụng cách tính vận tốc, quãng đường, thời gian vào thực tế cuộc sống | - HS nghe và thực hiện |
| - Về nhà tìm thêm các bài toán tính vận tốc, quãng đường, thời gian để luyện tập cho thành thạo hơn. | - HS nghe và thực hiện |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

***Chiều***

**Tiết 5: Tiếng Việt ( bổ sung)**

**ÔN LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức**: Củng cố kiến thức cho học sinh về mở rộng vốn từ “Truyền thống”.

**2. Kĩ năng**: Rèn kĩ năng thực hiện các bài tập củng cố và mở rộng.

**3. Thái độ**: Yêu thích môn học..

II. ĐỒ DÙNG:

- Bảng con, tivi, máy tính

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHÍNH

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động học tập của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động (5 phút):**- Ổn định tổ chức- Giới thiệu nội dung rèn luyện.**2. Các hoạt động chính:** | - Hát- Lắng nghe. |
| ***a. Hoạt động 1: Giao việc (5 phút):***- Giáo viên giới thiệu các bài tập trên bảng phụ. yêu cầu học sinh trung bình và khá tự chọn đề bài.- Giáo viên chia nhóm theo trình độ.- Phát phiếu luyện tập cho các nhóm. | - Học sinh quan sát và chọn đề bài.- Học sinh lập nhóm.- Nhận phiếu và làm việc. |
| ***b. Hoạt động 2: Thực hành ôn luyện (20 phút):*** |  |
| **Bài 1.** Chọn từ thích hợp trong các từ sau để điền vào chỗ trống*: truyền ngôi, truyền cảm, truyền khẩu, truyền thống, truyền thụ, truyền tụng*.a) …. kiến thức cho học sinh.b) Nhân dân …. công đức của các bậc anh hùng.c) Vua ….. cho con.d) Kế tục và phát huy những …. tốt đẹp.e) Bài vè đưược phổ biến trong quần chúng bằng ….g) Bài thơ có sức …. mạnh mẽ.Bài 2. Nối cột A với cột B sao cho phù hợp:A BTruyền thống a) Phổ biến rộng rãi.Truyền tụng b) Lối sống và nếp nghĩ đã hình thành từ lâu đời và được truyền tụng từ thế hệ này sang thế hệ khác.Truyền bá c) Truyền miệng cho nhau rộng rãi và ca ngợi.Bài 3. Ghép các từ ngữ sau với từ truyền thống để tạo thành những cụm từ có nghĩa: đoàn kết, chống ngoại xâm, yêu nước, nghề thủ công, vẻ đẹp, bộ áo dài, của nhà trường, hiếu học, phát huy, nghề sơn mài.c. Hoạt động 3: Sửa bài (10 phút):- Yêu cầu các nhóm trình bày, nhận xét, sửa bài.3. Hoạt động nối tiếp (3 phút):- Yêu cầu học sinh tóm tắt nội dung rèn luyện.- Nhận xét tiết học.- Nhắc nhở học sinh chuẩn bị bài. | **Đáp án**Thứ tự các từ cần điền: *truyền thụ, truyền tụng, truyền ngôi, truyền thống, truyền khẩu, truyền cảm*.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đáp án**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A** |  | **B** |
| Truyền thống |  | a) Phổ biến rộng rãi. |
| Truyền tụng |  | b) Lối sống và nếp nghĩ đã hình thành từ lâu đời và được truyền tụng từ thế hệ này sang thế hệ khác. |
| Truyền bá |  | c) Truyền miệng cho nhau rộng rãi và ca ngợi. |

 |
| **Đáp án**+ Những từ đứng trước từ ***truyền thống***: *nghề thủ công, vẻ đẹp, bộ áo dài, phát huy, nghề sơn mài*.+ Những từ đứng sau từ ***truyền thống***: *Các từ còn lại*. |
| - Các nhóm trình bày, nhận xét, sửa bài.- Học sinh phát biểu. |

 |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 6: Toán ( bổ sung)**

**LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

**-** Học sinh vận dụng kiến thức tính quãng đường, vận tốc, thời gian

2. **Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**2. Đồ dùng**

- Giáo viên: Bảng phụ, SGK, máy tính, máy soi, tivi

- Học sinh: Vở, SGK

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động**- HS hát múa tập thể- Bài cũ:**Bài 1.**Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng. Bạn Nam chạy thể dục trên 1 đoạn đường dài 1800m hết 20 phút. Vận tốc của Nam là : A. 90 km/ giờ B. 360m / phút C. 90 m D. 90m/ phút**Bài** 2. Một người đi xe đạp với vận tốc 15km/ giờ. Tính quãng đường người đó đi được trong 2,5 giờ.A. . 30 km B. 37,5km C. 17,5km D. 6km**2. Luyện tập****Bài 1**. Minh đi từ nhà đến bưu điện hết 15 phút và đi từ bưu điện đến trường hết 0,3 giờ. Biết rằng Minh đến trường lúc 7 giờ 50 phút. Hỏi Minh đi từ nhà lúc mấy giờ?**Bài 2**. Một ô tô khởi hành từ A lúc 7 giờ 15 phút và đến B lúc 10 giờ.Tính quãng đường AB, biết vận tốc của ô tô là 48 km/giờ**Bài 3.**Một máy bay bay từ A đến B, quãng đường dài 1260km với vận tốc 840km/giờ. Máy bay đến B lúc 10 giờ 15 phút. Hỏi máy bay cất cánh từ A lúc mấy giờ?3. Củng cố, dặn dò- Nêu cảm nhận về tiết học | - HS múa hát tập thể- HS làm bài- HS đọc yêu cầu .- HS làm bài,chia sẻ trước lớp- HS đọc yêu cầu .- HS làm bài,chia sẻ trước lớp- HS đọc yêu cầu .- HS làm bài,chia sẻ trước lớp |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 7: Thể dục**

**MÔN THỂ THAO TỰ CHỌN**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức:**

- Ôn một số nội dung môn thể thao tự chọn, học mới tâng cầu bằng mu bàn chân hoặc ném bóng (150g) trúng đích (đích cố định hoặc di chuyển). Yêu cầu thực hiện

cơ bản đúng động tác và nâng cao thành tích.

- Chơi trò chơi: Chuyền và bắt bóng tiếp sức. Yêu cầu biết cách chơi và tham gia chơi tương đối chủ động, tích cực.

**2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực**

**2.1.** Phát triển các năng lực:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực thể chất

**2.2.** Phát triển các phẩm chất:

- Phẩm chất trung thực, phẩm chất chăm chỉ

II. ĐỊA ĐIỂM - PHƯƠNG TIỆN:

- Địa điểm: Trên sân trường

- Phương tiện: Chuẩn bị dụng cụ cho trò chơi và 2- 4 quả bóng.

III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Định lượng** | **Phương pháp - tổ chức** |
| ***A. Phần mở đầu:****a) Nhận lớp phổ biến nội dung, yêu cầu.**b) Khởi động:*- Chạy nhẹ nhàng xung quanh sân.- Ôn đội hình đội ngũ.- Xoay các khớp.***B. Phần cơ bản:******a) Môn thể thao tự chọn:*** Đá cầu- Học tâng cầu bằng mu bàn chân: + Nêu tên động tác+ GV làm mẫu, giải thích động tác-cán sự làm mẫu.- Ôn chuyền cầu bằng mu bàn chân:+ Nêu tên động tác.+ 1 nhóm làm mẫu.+ HS nhắc lại những điểm cơ bản của động tác.***2. Chơi trò chơi: “Chuyền và bắt bóng tiếp sức”***- HS nêu tên trò chơi và quy định chơi.- HS tham gia chơi.***C. Phần kết thúc:***- Đứng tại chỗ thả lỏng- Hệ thống lại bài- Giáo viên nhận xét, giao bài tập về nhà. | **6 - 8’**1 - 2’4 - 6’**18 – 22’**8-10’10- 12’**3 – 5’** | GV 🚹🚹🛊🛉🚹🚹🚺🚹🛊🛉🚺🚹🚹🚹🛊🛉🚹🚹 GV🚹🚺🚹🛊🚹🛊🛉🚺🚹🚹🚹🛊🚹🚺🚹🛊🚹🛊🚹🚺🚹🛊🚹🛊GV🚹🚹🛊🛉🚹🚹🚺🚹🛊🛉🚺🚹🚹🚹🛊🛉🚹🚹🚹🚹🛊🛉🚹🚹GV🚹🚹🛊🛉🚹🚹🚺🚹🛊🛉🚺🚹🚹🚹🛊🛉🚹🚹 |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Thứ Ba ngày 26 tháng 3 năm 2024**

***Sáng***

**Tiết 2: Chính tả**

**ÔN TẬP TIẾT 2**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

**-** Tạo lập được câu ghép theo yêu cầu BT2.

**-** Đọc trôi chảy, l­ưu loát bài tập đọc đã học; tốc độ khoảng 115 tiếng/ phút; đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 4-5 bài thơ (đoạn thơ), đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn.

**-** Yêu thích môn học.

**2. Năng lực:**

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** GD học sinh tình yêu quê hư­ơng, đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu viết tên từng bài tập đọc và HTL

- HS: SGK, vở

**2.Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp: thảo luận, làm mẫu, quan sát, vấn đáp, giảng giải…

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)** |
| - Cho HS thi đọc bài “Tranh làng Hồ” và trả lời các câu hỏi trong SGK.- GV nhận xét- GV giới thiệu bài - ghi bảng | - HS thi đọc- HS nghe- HS ghi vở |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)***\* Mục tiêu:* - Đọc trôi chảy, l­ưu loát bài tập đọc đã học; tốc độ khoảng 115 tiếng/ phút; đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 4-5 bài thơ (đoạn thơ), đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn. - Tạo lập được câu ghép theo yêu cầu BT2.*\* Cách tiến hành:* |
| **Bài 1:***Ôn luyện tập đọc và HTL*- Cho HS lên bảng gắp thăm bài đọc- Yêu cầu HS đọc bài gắp thăm được và trả lời 1 đến 2 câu hỏi về nội dung bài đọc.- GV nhận xét đánh giá.**Bài 2: HĐ cá nhân**- Gọi HS đọc yêu cầu của bài tập- Yêu cầu HS làm bài cá nhân- GV nhận xét, kết luận | - Từng HS lên bốc thăm chọn bài (xem lại 1- 2 phút)- HS đọc trong SGK (hoặc đọc thuộc lòng) 1 đoạn hoặc cả bài theo chỉ định trong phiếu- Dựa theo câu chuyện *Chiếc đồng hồ*, em hãy viết tiếp một vế câu vào chỗ trống để tạo câu ghép:- HS làm vào vở; 1 HS lên bảng làm sau đó chia sẻ cách làm- HS nhận xét**\* Đáp án:**a. Tuy máy móc của chiếc đồng hồ nằm khuất bên trong như­ng *chúng đều có tác dụng điều khiển kim đồng hồ chạy.*b. Nếu mỗi bộ phận trong chiếc đồng hồ đều muốn làm theo ý thích của riêng mình thì *chiếc đồng hồ sẽ hỏng* (sẽ chạy không chính xác / sẽ không hoạt động đ­ược).c. Câu chuyện trên nêu lên một nguyên tắc sống trong xã hội là: “Mỗi ngư­ời vì mọi ng­ười và *mọi ng­ười vì mỗi ng­ười.”* |
| **3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)** |
| - Cho 1 HS đặt 1 vế câu, gọi 1 HS khác nêu tiếp vế còn lại cho phù hợp | - HS nêu, ví dụ:+ HS1: *Nếu hôm nay đẹp trời*+ HS2: *thì tôi sẽ đi dã ngoại* |
| - Về nhà tiếp tục tập đặt câu cho thành thạo- GV nhận xét tiết học- Tiếp tục luyện đọc và HTL để kiểm tra. | - HS nghe và thực hiện |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 3: Toán**

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Biết tính vận tốc, quãng đường, thời gian.

- Biết giải bài toán chuyển động ngược chiều trong cùng một thời gian.

**-** HS làm bài 1, bài 2.

**2. Năng lực:**

+ Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đồ dùng**

- GV: Máy tính, tivi, PBT, máy soi

- HS: SGK, vở

**2.Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp: làm mẫu, quan sát, vấn đáp, giảng giải, thực hành luyện tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)** |
| - Cho HS hát- Giới thiệu bài - Ghi bảng  | - HS hát- HS ghi vở |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)***\* Mục tiêu:* - Biết tính vận tốc, quãng đường, thời gian.  - Biết giải bài toán chuyển động ngược chiều trong cùng một thời gian.- HS làm bài 1, bài 2.*\* Cách tiến hành:* |
| **Bài 1a : HĐ cặp đôi**- GV gọi HS đọc bài tập- Cho HS thảo luận cặp đôi theo câu hỏi:+ Có mấy chuyển động đồng thời trong bài toán ? + Đó là chuyển động cùng chiều hay ng­ược chiều ?+ HS vẽ sơ đồ- GV giải thích : Khi ô tô gặp xe máy thì cả ô tô và xe máy đi hết quãng đường 180 km từ hai chiều ng­ược nhau- Yêu cầu HS làm bài- GV nhận xét, kết luận***Luyện tập*** **Bài 1b: HĐ cá nhân**- GV gọi HS đọc bài tập- Yêu cầu HS làm tư­ơng tự như­ phần a- GV nhận xét , kết luận**Bài 2: HĐ cặp đôi**- HS đọc đề bài, thảo luận:+ Muốn tính quãng đường ta làm thế nào ?- Yêu cầu HS tự làm bài- GV nhận xét , kết luận**Bài tập chờ****Bài 3: HĐ cá nhân**- Cho HS đọc bài, tóm tắt bài toán rồi làm bài.- GV quan sát, hướng dẫn HS nếu cần thiết. | - HS đọc - HS thảo luận- 2 chuyển động : xe máy và ô tô- Chuyển động ng­ược chiều- HS quan sát- HS làm vở,1 HS làm bảng lớp sau đó chia sẻ cách làm:Giảia, Sau mỗi giờ, cả ô tô và xe máy đi đư­ợc quãng đ­ường là:54 + 36= 90 (km)Thời gian đi để ô tô và xe máy gặp nhau là:180 : 90 = 2 ( giờ)Đáp số : 2 giờ- HS đọc - HS làm vở, 1 HS làm bảng lớp sau đó chia sẻ cách làm GiảiSau mỗi giờ cả hai xe đi được là 42 + 50 = 92 (km)Thời gian để hai ôtô gặp nhau là 276 : 92 = 3 (giờ)Đáp số : 3 giờ- HS đọc - Muốn tính quãng đường ta lấy vận tốc nhân với thời gian - HS làm vở, 1 HS làm bảng lớp, chia sẻGiải Thời gian đi của ca nô là :11 giờ 15 phút – 7 giờ 30phút= 3giờ 45phút3 giờ 45 phút = 3,75 giờQuãng đ­ường đi đ­ược của ca nô là :12 x 3,75 =45(km) Đáp số : 45km- HS đọc bài, tóm tắt bài toán rồi làm bài báo cáo giáo viênBài giải\* Cách 1: 15km = 15 000m Vận tốc chạy của ngựa là: 15000 : 20 = 750 (m/phút)\* Cách 2: Vận tốc chạy của ngựa là: 15 : 20 = 0,75(km/phút) 0,75km/phút = 750m/phút |
| **3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)** |
| - Để giải bài toán chuyển động ngược chiều trong cùng một thời gian ta cần thực hiện mấy bước giải, đó là những bước nào ? | - HS nêu: Ta cần thực hiện theo hai bước giải, đó là:+ B1: Tìm tổng vận tốc của hai chuyển động ngược chiều trong cùng một thời gian(v1 + v2)+ B2: Tìm thời gian hai xe gặp nhau( s: (v1 + v2) ) |
| - Về nhà tìm hiểu thêm cách giải bài toán về chuyển động ngược chiều của hai chuyển động không cùng một thời điểm xuất phát. | - HS nghe và thực hiện |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 4: Luyện từ và câu**

**ÔN TẬP TIẾT 3**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

**-** Tìm được các câu ghép, các từ ngữ được lặp lại, được thay thế trong đoạn văn BT2.

**-** Đọc trôi chảy, l­ưu loát bài tập đọc đã học; tốc độ khoảng 115 tiếng/ phút; đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 4-5 bài thơ (đoạn thơ), đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn.

**2. Năng lực:**

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** GD học sinh tình yêu quê hư­ơng, đất nước.Yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, bảng nhóm, máy tính, tivi

- HS: SGK, vở

**2.Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp: thảo luận, làm mẫu, quan sát, vấn đáp, giảng giải…

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)** |
| - Cho HS hát- Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát- HS ghi vở  |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)***\* Mục tiêu:*- Đọc trôi chảy, l­ưu loát bài tập đọc đã học; tốc độ khoảng 115 tiếng/ phút; đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 4-5 bài thơ (đoạn thơ), đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn.- Tìm được các câu ghép, các từ ngữ được lặp lại, được thay thế trong đoạn văn BT2.*\* Cách tiến hành:* |
| **Bài 1:***Ôn luyện tập đọc và HTL*- Cho HS lên bảng gắp thăm bài đọc- Yêu cầu HS đọc bài gắp thăm được và trả lời 1 đến 2 câu hỏi về nội dung bài đọc.- GV nhận xét đánh giá.**Bài 2: HĐ cá nhân**- Gọi HS đọc yêu cầu - Gọi HS đọc bài văn- GV đọc mẫu bài văn.- Yêu cầu HS đọc chú giải SGK- Yêu cầu HS làm bài- Trình bày kết quả+ Tìm những từ ngữ trong đoạn 1 thể hiện tình cảm của tác giả với quê hương?+ Điều gì gắn bó tác giả với quê hương?+ Tìm các câu ghép trong một đoạn của bài?+ Tìm các từ ngữ được lặp lại, được thay thế có tác dụng liên kết câu trong bài văn? | - Từng HS lên bốc thăm chọn bài (xem lại 1- 2 phút)- HS đọc trong SGK (hoặc đọc thuộc lòng ) 1 đoạn hoặc cả bài theo chỉ định trong phiếu-Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi- Một HS đọc. Cả lớp đọc thầm theo.- HS nghe- 1 HS đọc phần chú giải sau bài.- HS đọc thầm lại bài văn và làm bài, 1 HS làm bài bảng nhóm, chia sẻ kết quả + Đăm đắm nhìn theo, sức quyến rũ, nhớ thương mãnh liệt, day dứt.+ Vì quê hư­ơng gắn liền với nhiều kỉ niệm của tuổi thơ.+ Tất cả các câu trong bài đều là câu ghép.+ Các từ ngữ được lặp lại: *tôi, mảnh đất.*Các từ ngữ được thay thế:\* Cụm từ *mảnh đất cọc cằn* thay cho *làng quê tôi*.\* Cụm từ *mảnh đất quê hương* thay cho *mảnh đất cọc cằn*.\* Cụm từ *mảnh đất ấy* thay cho *mảnh đất quê hương.* |
| **3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)** |
| - GV nhận xét tiết học.- Về nhà làm bài nhẩm lại BT2; chuẩn bị ôn tập tiết 4. | - HS nghe |
| - Vận dụng cách lặp từ, thay thế từ ngữ khi nói và viết. | - HS nghe và thực hiện. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

***Chiều***

**Tiết 3: Luyện từ và câu**

**ÔN TẬP TIẾT 7**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức**

**-**Củng cố kiến thức về các biện pháp liên kết câu. Biết dùng các từ ngữ thích hợp để liên kết câu theo yêu cầu của BT2.

**-** Đọc trôi chảy, l­ưu loát bài tập đọc đã học; tốc độ khoảng 115 tiếng/ phút; đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 4-5 bài thơ (đoạn thơ), đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn.

**2. Năng lực:**

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:**Yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

**1. Đồ dùng**

 - GV: Máy tính, tivi

 - HS: SGK, vở

**2.Phương phápvà kĩ thuật dạy học**

 - Phương pháp: thảo luận, làm mẫu, quan sát, vấn đáp, giảng giải…

 - Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)**- Cho HS hát- Giới thiệu bài - Ghi bảng**2. Hoạt động thực hành:(28 phút)**Câu 1 (trang 103 sgk Tiếng Việt lớp 5 tập 2): Đọc thầmTrả lời:Học sinh tự đọc.Câu 2 (trang 103 sgk Tiếng Việt lớp 5 tập 2): Dựa vào nội dung bài đọc, chọn ý trả lời đúng:1. Nên chọn tên nào đặt cho bài văn trên a) Mùa thu ỏ làng quê.b) Cánh đồng quê hương.c) Âm thanh mùa thu.2. Tác giả cảm nhận mùa thu bằng những giác quan nào ?a) Chỉ bằng thị giác (nhìn).b) Chỉ bằng thị giác và thính giác (nghe).c) Bằng cả thị giác, thính giác và khứu giác (ngửi).3. Trong câu "Chúng không còn là hồ nước nữa.. chúng là những cái giếng không đáy, ở đó ta có thể nhìn thấy bầu trời bên kia trái đất", từ đó chỉ sự vạt gì ?a) Chỉ những cái giếng.b) Chỉ những hồ nước.c) Chỉ làng quê.4. Vì sao tác giả có cảm tưởng nhìn thấy bầu tròi bên kia trái đất ?a) Vì bầu trời mùa thu rất cao nên tác giả có cảm tường đó là bầu trời bên kia trái đất.b) Vì bầu trời mùa thu rất xanh nên tác giả có cảm tường đó là một bầu trời khác.c) Vì những hồ nước in bóng bầu trời là "những cái giếng không đáy" nên tác giả có cảm tưởng nhìn thấy ỏ đó bầu trời bên kia trái đất.5. Trong bài văn có những sự vật nào được nhân hoá ?a) Đàn chim nhạn, con đê và nhũng cánh đồng lúa.b) Con đê, những cánh đồng lúa và cây cối, đất đai.c) Những cánh đồng lúa và cây cối, đất đai.6. Trong bài văn có mấy từ đồng nghĩa với từ xanh ?a) Một từ. Đó là từ : ...b) Hai từ. Đó là các từ : ...c) Ba từ. Đó là các từ : ...7. Trong các cụm từ chiếc dù, chân đê, xua xua tay, những từ nào mang nghĩa chuyển?a) Chỉ có từ chân mang nghĩa chuyển.b) Có hai từ dù và chân mang nghĩa chuyển.c) Cả ba từ dù, chân, tay đều mang nghĩa chuyển.8. Từ chúng trong bài văn được dùng để chỉ những sụ vật nào ?a) Các hồ nước.b) Cấc hồ nước, bọn trẻ.c) Các hồ nước, những cánh đồng lúa, bọn trẻ.9. Trong đoạn thứ nhất (4 dòng đầu) của bài văn, có mấy câu ghép ?a) Một câu. Đó là câu : ...b) Hai câu. Đó là cấc câu : ...c) Ba câu. Đó là các câu : ...10. Hai câu "Chúng cứ hát mãi, hát mãi cho đến lúc những ngọn khói tan biến vào không gian mênh mông. Không gian như một cái chuông lớn vô cùng treo suốt mùa thu, âm vang mãi tiếng ca của trẻ con và tiếng cựa mình của cây cối, đất đai." liên kết với nhau bằng cách nào ?a) Bằng cách thay thế từ ngữ. Đó là từ thay cho từ...b) Bằng cách lặp từ ngữ. Đó là từ ....c) Bằng cả hai cách thay thế và lặp từ ngữ.**3. Củng cố, dặn dò**- Nêu cảm nhận về tiết học | - HS hát- HS ghi vở- HS đọc bài và trả lời câu hỏi**Trả lời:**Câu 1: Ý a (Mùa thu ở làng quê)Câu 2: Ý c (bằng cả thị giác, thính giác và khứu giác (ngửi))Câu 3: Ý b (Chỉ những hồ nước)Câu 4: Ý c (vì những hồ nước in bóng bầu trời là "những cái giếng không đáy" nên tác giả có cảm tưởng nhìn thấy ờ đó bấu trời bên kia trái đất).Câu 5: Ý c (Những cánh đồng lúa và cây cối đất đai).Câu 6: Ý b (Hai từ. Đó là: "xanh mướt, xanh lơ").Câu 7: Ý a (Từ "chân" mang nghĩa chuyển).Câu 8: Ý c (Các hồ nước, những cánh đồng lúa, bọn trẻ).Câu 9: Ý a (Một câu. Đó là câu: "Chúng không còn là hồ nước nữa, chúng là những cái giếng không đáy, ở đó ta có thể nhìn thấy bầu trời bên kia trái đất").Câu 10: Ý b (Bằng cách lặp từ ngữ). Đó là từ không gian. |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 6: Tiếng Việt ( bổ sung)**

**ÔN TẬP LÀM VĂN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**: Củng cố và mở rộng kiến thức cho học sinh về văn miêu tả cây cối.

**2. Kĩ năng**: Rèn kĩ năng luyện tập, thực hành một số bài tập củng cố và nâng cao.

**3. Thái độ**: Yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

1. Giáo viên: Máy tính, tivi, phiếu bài tập cho các nhóm.

2. Học sinh: Đồ dung học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động rèn luyện của giáo viên*** | ***Hoạt động học tập của học sinh*** |
| **1. Hoạt động khởi động (5 phút):**- Ổn định tổ chức.- Giới thiệu nội dung rèn luyện.**2. Các hoạt động rèn luyện:*****a. Hoạt động 1: Giao việc (5 phút):***- Giáo viên giới thiệu các bài tập trên bảng phụ. yêu cầu học sinh trung bình và khá tự chọn đề bài.- Giáo viên chia nhóm theo trình độ.- Phát phiếu luyện tập cho các nhóm.***b. Hoạt động 2: Thực hành ôn luyện (20 phút):*** | - Hát- Lắng nghe.- Học sinh quan sát và chọn đề bài.- Học sinh lập nhóm.- Nhận phiếu và làm việc. |
| **Bài 1.** Trình bày dàn bài chung của một bài văn miêu tả cây cối.***Bài làm***.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**Bài 2.** Viết mở bài gián tiếp, kết bài mở rộng cho bài văn tả một loài cây (cây hoa, cây ăn quả, cây rau, cây bóng mát,...) mà em yêu thích.a) Mở bài gián tiếp:.............................................................................b) Kết bài mở rộng:.............................................................................**Tham khảo**a) Mở bài gián tiếp: Nhà có một mảnh vườn nhỏ nên mẹ rất thích trồng cây. Thường thì mẹ trồng rau xanh để lấy rau sạch ăn hàng ngày.**Bài 3.**Dựa vào bài thơ "Cây dừa", em hãy lập dàn ý tả lại một cây dừa đáng yêu.Cây dừa xanh toả nhiều tàuDang tay đón gió, gật đầu gọi trăngThân dừa bạc phếch tháng nămQuả dừa – đàn lợn con nằm trên cao.Đêm hè hoa nở cùng saoTàu dừa - chiếc lược chải vào mây xanh.Ai mang nước ngọt, nước lànhAi đeo bao hũ gạo quanh cổ dừa.Tiếng dừa làm dịu nắng trưaGọi đàn gió đến cùng dừa múa reo**c. Hoạt động 3: Sửa bài (10 phút):**- Yêu cầu các nhóm trình bày, nhận xét, sửa bài.**3. Hoạt động nối tiếp (3 phút):**- Yêu cầu học sinh tóm tắt nội dung rèn luyện.- Nhận xét tiết học. Nhắc học sinh chuẩn bị bài. | **Tham khảo**\* Mở bài: Giới thiệu cây (tên gọi, nơi trồng, thời gian trồng,...).\* Thân bài: Tả cây (từ bao quát đến từng bộ phận cụ thể): Tầm vóc, hình dáng (lớn hay nhỏ, cao hay thấp, thanh mảnh hay sum sê,...). Rễ, thân, cành, lá,... có đặc điểm gì? Hoa, trái có đặc điểm gì? (về màu sắc, hương thơm, mùi vị,...). Thường ra vào mùa nào trong năm? Cây gắn bó với môi trường sống và con người như thế nào?\* Kết bài: Cảm nghĩ của em về cây đó (yêu thích, nâng niu, chăm sóc,...).Còn một chút đất ở góc vườn, mẹ còn trồng thêm vài hàng chuối. Những cây chuối xanh tốt ; chuối mẹ, chuối bố, chuối con đứng quây quần bên nhau.b) Kết bài mở rộng: Mẹ luôn khuyến khích cả nhà ăn hoa quả để tăng cường Vi-ta-min và các chất bổ dưỡng. Mẹ thường nói : Ăn chuối là tốt nhất ! Vì vậy, sau mỗi bữa cơm, mẹ thường mang một đĩa chuối chín vàng trứng cuốc, thơm lừng ra để cả nhà cùng thưởng thức. Ai cũng tấm tắc khen ngon.Trời trong đầy tiếng rì ràoĐàn cò đánh nhịp bay vào bay ra...Đứng canh trời đất bao laMà dừa đủng đỉnh như là đứng chơi.Gợi ý:- Cây dừa được trồng từ lâu.- Thân dừa bạc phếch.- Dáng dừa thẳng.- Rễ dừa bò lan trên mặt đất.- Tàu dừa như chiếc lược.- Hoa dừa màu vàng.- Quả dừa như đàn lợn con.- Nước dừa ngọt.- Các nhóm trình bày, nhận xét, sửa bài.- Học sinh phát biểu. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Thứ Tư ngày 27 tháng 3 năm 2024**

***Sáng***

**Tiết 1: Kể chuyện**

**ÔN TẬP TIẾT 4**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

**-** Kể tên các bài tập đọc là văn miêu tả đã học trong 9 tuần đầu học kỳ II (BT2).

**-** Đọc trôi chảy, l­ưu loát bài tập đọc đã học; tốc độ khoảng 115 tiếng/ phút; đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 4-5 bài thơ (đoạn thơ), đoạn văn dễ nhớ;

hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn.

**-** Yêu thích môn học.

**2. Năng lực:**

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** GD học sinh tình yêu quê hư­ơng, đất nước.Yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đồ dùng**

- GV: máy tính, tivi

- HS: SGK, vở

**2.Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp: thảo luận, làm mẫu, quan sát, vấn đáp, giảng giải…

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)** |
| - Cho HS hát- Giới thiệu bài - Ghi bảng  | - HS hát- HS ghi vở |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)***\* Mục tiêu:* - Đọc trôi chảy, l­ưu loát bài tập đọc đã học; tốc độ khoảng 115 tiếng/ phút; đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 4-5 bài thơ (đoạn thơ), đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn. - Kể tên các bài tập đọc là văn miêu tả đã học trong 9 tuần đầu học kỳ II (BT2). *\* Cách tiến hành:* |
| **Bài 1:***Ôn luyện tập đọc và HTL*- Cho HS lên bảng gắp thăm bài đọc- Yêu cầu HS đọc bài gắp thăm được và trả lời 1 đến 2 câu hỏi về nội dung bài đọc.- GV nhận xét đánh giá.**Bài 2: HĐ cá nhân**- Gọi Học sinh đọc yêu cầu - Yêu cầu HS tự làm bài- Giáo viên nhận xét, kết luận**Bài 3: HĐ cá nhân**- Gọi Học sinh đọc yêu cầu - Yêu cầu HS tự làm bài. Chọn viết dàn ý cho bài văn miêu tả mà em thích.- Trình bày kết quả- Giáo viên nhận xét , kết luận  | - Từng HS lên bốc thăm chọn bài (xem lại 1- 2 phút)- HS đọc trong SGK (hoặc đọc thuộc lòng ) 1 đoạn hoặc cả bài theo chỉ định trong phiếu- Học sinh đọc yêu cầu bài tập.- HS tra mục lục và tìm nhanh các bài đọc là văn miêu tả sau đó chia sẻ :- Có 3 bài văn miêu tả. Phong cảnh đền Hùng, Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân, Tranh làng Hồ.- Học sinh đọc yêu cầu của bài tập.- Học sinh làm bài, 3 HS viết dàn ý vào bảng nhóm , mỗi HS 1 bài khác nhau.***1) Phong cảnh đền Hùng:***+ Dàn ý: (Bài tập đọc chỉ có thân bài)- Đoạn 1: Đền Thượng trên đỉnh Nghĩa Lĩnh.- Đoạn 2: Phong cảnh xung quanh khu đền.- Đoạn 3: Cảnh vật trong khu đền.+ Chi tiết hoặc câu văn em thích; Thích chi tiết “Người đi từ đền Thượng …… toả hương thơm.”***2) Hội thi thổi cơm ở Đồng Vân.***\* Dàn ý:- Mở bài: Nguồn gốc hội thổi cơm thi ở Đồng Vân.- Thân bài:+ Hoạt động lấy lửa và chuẩn bị nấu cơm.+ Hoạt động nấu cơm.- Kết bài: Niềm tự hào của người đạt giả.\* Chi tiết hoặc câu văn em thích: Em thích chi tiết thanh niên của đội thi lấy lửa.***3) Tranh làng Hồ.***\* Dàn ý: (Bài tập đọc là một trích đoạn chỉ có thân bài)- Đoạn 1: Cảm nghĩ của tác giả về tranh làng Hồ và nghệ sĩ dân gian.- Đoạn 2: Sự độc đáo nội dung tranh làng Hồ.- Đoạn 3: Sự độc đáo kĩ thuật tranh làng Hồ.\* Chi tiết hoặc câu văn em thích.Em thích những câu văn viết về màu trắng điệp. Đó là sự sáng tạo trong kĩ thuật pha màu của tranh làng Hồ. |
| **3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)** |
| - Trong các bài tập đọc là văn miêu tả kể trên, em thích nhất bài nào ? vì sao? | - HS nêu |
| - Về nhà luyện tập viết văn miêu tả | - HS nghe và thực hiện |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 2: Toán**

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Biết giải bài toán chuyển động cùng chiều.

- Biết tính vận tốc, quãng đường, thời gian.

**-** HS vận dụng kiến thức làm bài 1, bài 2 (làm bài 2 trước bài 1a).

**2. Năng lực:**

+ Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, bảng nhóm, máy tính, tivi, máy soi

- HS: SGK, vở

**2.Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp: làm mẫu, quan sát, vấn đáp, giảng giải, thực hành luyện tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)** |
| - Cho HS chơi trò chơi "Bắn tên" nêu cách tính vận tốc, quãng đường, thời gian của chuyển động đều.- GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng  | - HS chơi trò chơi- HS nghe- HS ghi vở |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)***\* Mục tiêu:* - Biết giải bài toán chuyển động cùng chiều. - Biết tính vận tốc, quãng đường, thời gian. - HS làm bài 1, bài 2 (làm bài 2 trước bài 1a).*\* Cách tiến hành:* |
| **Bài 2: HĐ cặp đôi**- Gọi HS đọc đề bài, thảo luận cặp đôi:+ Muốn tính quãng đường ta làm thế nào?- Yêu cầu HS tự làm bài, chia sẻ- Giáo viên nhận xét kết luận**Bài 1a: HĐ cá nhân**- Gọi HS đọc đề bài, cho HS chia sẻ yêu cầu:+ Có mấy chuyển động đồng thời? + Đó là chuyển động cùng chiều hay ngược chiều?- Giáo viên nhận xét chữa bài.**Bài 1b: HĐ cá nhân**- Gọi HS đọc đề bài- Yêu cầu HS làm tương tự phần a.- Giáo viên nhận xét chữa bài.**Bài tập chờ****Bài 3: HĐ cá nhân**- Cho HS đọc bài, tóm tắt bài toán rồi làm bài.- GV quan sát, hướng dẫn HS nếu cần thiết | - Học sinh đọc bài tập, làm bài cặp đôi- Ta lấy vận tốc nhân với thời gian- Học sinh làm vào vở, 1 HS làm bài trên bảng lớp sau đó chia sẻ:GiảiQuãng đường báo gấm chạy được là:120 x = 4,8 (km) Đáp số: 4,8 km- Học sinh đọc đề bài .- Có 2 chuyển động đồng thời.- Đó là 2 chuyển động cùng chiều - Học sinh làm bài, chữa bài rồi chia sẻ cách làm:GiảiSau mỗi giờ xe máy đến gần xe đạp số km là:36 – 12 = 24 (km)Thời gian để xe máy đuổi kịp xe đạp là 48 : 24 = 2 (giờ)Đáp số: 2 giờ- Học sinh đọc yêu cầu bài toán.- Cả lớp làm vở sau đó lên bảng làm bài và chia sẻ kết quả:GiảiSau mỗi giờ xe máy đến gần xe đạp số km:36 – 12 = 24 (km)Sau 3 giờ người đi xe đạp đi được số km là:3 x 12 = 36 (km)Thời gian xe máy đuổi kịp xe đạp:36 : 24 = 1,5 (giờ) Đáp số: 1,5 giờ- Cho HS đọc bài, tóm tắt bài toán rồi làm bài, báo cáo giáo viên Bài giảiThời gian xe máy đi trước ô tô là:11 giờ 7 phút - 8 giờ 37 phút = 2 giờ 30 phút = 2,5 giờĐến 11 giờ 7 phút xe máy đã đi được quãng đường (AB) là: 36 x 2,5 = 90(km)Vậy lúc 11 giờ 7 phút ô tô đi từ A và xe máy đi từ B, ô tô đuổi theo xe máy.Sau mỗi giờ ô tô gần xe máy là: 54 - 36 =18(km)Thời gian đi để ô tô kịp xe máy là: 90 : 18 = 5 (giờ)Ô tô kịp xe máy lúc:11 giờ 7 phút + 5 giờ =16 giờ 7 phút Đáp số: 16 giờ 7 phút |
| **3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)** |
| - Nêu các bước giải của bài toán chuyển động cùng chiều đuổi kịp nhau? | - HS nêu:+ B1: Tìm hiệu vận tốc (v1 - v2)+ B2: Tìm thời gian để đuổi kịp nhaus : (v1 - v2) |
| - Chia sẻ với mọi người cách giải dạng toán trên và vận dụng vào thực tế cuộc sống. | - HS nghe và thực hiện |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 3: Tập đọc**

**ÔN TẬP TIẾT 5**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

 **-** Nghe- viết đúng chính tả bài *Bà cụ bán hàng nước chè,* tốc độ viết khoảng 100 chữ /15 phút.

 **-** Viết đoạn văn khoảng 5 câu tả ngoại hình cụ già, biết chọn những nét ngoại hình tiêu biểu để miêu tả.

**2. Năng lực:**

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:**Yêu thích môn học. Cẩn thận, tỉ mỉ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đồ dùng**

 - GV: Một số tranh ảnh về các cụ già. Máy tính, tivi

 - HS: SGK, vở

**2.Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

 - Phương pháp: thảo luận, làm mẫu, quan sát, vấn đáp, giảng giải…

 - Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)** |
| - Cho HS hát- Giới thiệu bài - Ghi bảng  | - HS hát- HS ghi vở |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)****Hoạt động 1: *Nghe viết***- Gọi HS đọc bài chính tả “Bà cụ bán hàng nước chè”. - Giáo viên đọc lại bài chính tả “Bà cụ bán hàng nước chè”, giọng thong thả, rõ ràng.- Cho HS nêu tóm tắt nội dung bài.- Yêu cầu HS tìm từ dễ viết sai chính tả.- Luyện viết từ khó- Giáo viên đọc cho HS viết bài.- Chấm, chữa bài.+ Giáo viên đọc cho HS soát lại bài- GV chấm bài và nhận xét bài viết**Hoạt động 2:*HĐ cặp đôi***- Gọi HS đọc yêu cầu, chia sẻ theo câu hỏi:+ Đoạn văn vừa viết miêu tả đặc điểm về ngoại hình hay tính cách của bà cụ bán hàng nước chè?+ Tác giả tả đặc điểm nào về ngoại hình?+ Tác giả tả bà cụ rất nhiều tuổi bằng cách nào?- Yêu cầu HS làm bài- Trình bày kết quả- GV nhận xét | - HS đọc.- Cả lớp theo dõi.- Tả gốc bàng cổ thụ và tả bà cụ bán hàng nước chè dưới gốc bàng.+ Tuổi già, tuồng chèo …- HS luyện viết từ khó vào bảng con- Học sinh nghe và viết bài.- Học sinh theo dõi soát bài và chữa lỗi.- HS đọc yêu cầu + Tả ngoại hình.+ Tả tuổi của bà.+ Bằng cách so sánh với cây bàng già, đặc tả mái tóc bạc trắng.- Học sinh viết đoạn văn vào vở, 1 HS làm bài vào bảng nhóm, chia sẻ kết quả- Học sinh nối tiếp đọc đoạn văn của mình. |
| **3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)** |
| - Khi viết văn miêu tả ngoại hình của một cụ già, em cần chú ý đến đặc điểm gì ? | - HS nêu |
| - Viết một đoạn văn tả ngoại hình bà của em. | - HS nghe và thực hiện |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

***Chiều***

**Tiết 5: Thể dục**

**MÔN THỂ THAO TỰ CHỌN**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức:**

- Ôn một số nội dung môn thể thao tự chọn, học mới tâng cầu bằng mu bàn chân hoặc ném bóng (150g) trúng đích (đích cố định hoặc di chuyển). Yêu cầu thực hiện

cơ bản đúng động tác và nâng cao thành tích.

- Chơi trò chơi: Chạy đổi chỗ vỗ tay nhau. Yêu cầu biết cách chơi và tham gia chơi tương đối chủ động, tích cực.

**2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực**

**2.1.** Phát triển các năng lực:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực thể chất

**2.2.** Phát triển các phẩm chất:

- Phẩm chất trung thực, phẩm chất chăm chỉ

II. ĐỊA ĐIỂM - PHƯƠNG TIỆN:

- Địa điểm: Trên sân trường

- Phương tiện: Chuẩn bị dụng cụ cho trò chơi và cầu đá.

III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Định lượng** | **Phương pháp - tổ chức** |
| ***A. Phần mở đầu:****a) Nhận lớp phổ biến nội dung, yêu cầu.**b) Khởi động:*- Chạy nhẹ nhàng xung quanh sân.- Ôn đội hình đội ngũ.- Xoay các khớp.***B. Phần cơ bản:******a) Môn thể thao tự chọn:*** Đá cầu- Học tâng cầu bằng mu bàn chân: + Nêu tên động tác+ GV làm mẫu, giải thích động tác-cán sự làm mẫu.- Ôn chuyền cầu bằng mu bàn chân:+ Nêu tên động tác.+ 1 nhóm làm mẫu.+ HS nhắc lại những điểm cơ bản của động tác.***2. Chơi trò chơi: “Chạy đổi chỗ vỗ tay nhau”***- HS nêu tên trò chơi và quy định chơi.- HS tham gia chơi.***C. Phần kết thúc:***- Đứng tại chỗ thả lỏng- Hệ thống lại bài- Giáo viên nhận xét, giao bài tập về nhà. | **6 - 8’**1 - 2’4 - 6’**18 – 22’**8-10’10- 12’**3 – 5’** | GV 🚹🚹🛊🛉🚹🚹🚺🚹🛊🛉🚺🚹🚹🚹🛊🛉🚹🚹 GV🚹🚺🚹🛊🚹🛊🛉🚺🚹🚹🚹🛊🚹🚺🚹🛊🚹🛊🚹🚺🚹🛊🚹🛊GV🚹🚹🛊🛉🚹🚹🚺🚹🛊🛉🚺🚹🚹🚹🛊🛉🚹🚹🚹🚹🛊🛉🚹🚹GV🚹🚹🛊🛉🚹🚹🚺🚹🛊🛉🚺🚹🚹🚹🛊🛉🚹🚹 |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Thứ Năm ngày 28 tháng 3 năm 2024**

***Sáng***

 **Tiết 1: Tập làm văn**

**ÔN TẬP TIẾT 6**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức**

**-** Củng cố kiến thức về các biện pháp liên kết câu. Biết dùng các từ ngữ thích hợp để liên kết câu theo yêu cầu của BT2.

**-** Đọc trôi chảy, l­ưu loát bài tập đọc đã học; tốc độ khoảng 115 tiếng/ phút; đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 4-5 bài thơ (đoạn thơ), đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn.

**2. Năng lực:**

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:**Yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, tivi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)** |
| - Cho HS hát- Giới thiệu bài - Ghi bảng  | - HS hát- HS ghi vở |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)***\* Mục tiêu:* - Đọc trôi chảy, l­ưu loát bài tập đọc đã học; tốc độ khoảng 115 tiếng/ phút; đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 4-5 bài thơ (đoạn thơ), đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn. - Củng cố kiến thức về các biện pháp liên kết câu. Biết dùng các từ ngữ thích hợp để liên kết câu theo yêu cầu của BT2.*\* Cách tiến hành:* |
| **Bài 1 : *Ôn luyện tập đọc và HTL***- Cho HS lên bảng gắp thăm bài đọc- Yêu cầu HS đọc bài gắp thăm được và trả lời 1 đến 2 câu hỏi về nội dung bài đọc.- GV nhận xét đánh giá.**Bài 2 : HĐ cá nhân**- Gọi HS đọc yêu cầu của bài- Cả lớp đọc thầm lại yêu cầu của bài, suy nghĩ, làm bài cá nhân, dùng bút chì điền những từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để liên kết câu. - Trình bày kết quả.- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại lời giải đúng.- 1 HS đọc lại lời giải đúng. | - Từng HS lên bốc thăm chọn bài (xem lại 1- 2 phút)- HS đọc trong SGK (hoặc đọc thuộc lòng ) 1 đoạn hoặc cả bài theo chỉ định trong phiếu- HS đọc yêu cầu của bài- HS làm bài vào vở, 1 HS làm vào bảng nhóm- HS nối tiếp nhau trình bày bài làm của mìnha) Con gấu càng leo lên cao thì khoảng cách giữa nó và tôi càng gần lại. Đáng gờm nhất là những lúc mặt nó quay vòng về phía tôi: chỉ một thoáng gió vẩn vơ tạt từ h­ướng tôi sang nó là “mùi ng­ười” sẽ bị gấu phát hiện. *Nh­ưng* xem ra nó đang say bộng mật ong hơn tôi.*b)* Lũ trẻ ngồi im nghe các cụ già kể chuyện. Hôm sau, *chúng* rủ nhau ra cồn cát cao tìm những bông hoa tím. Lúc về, tay đứa nào cũng đầy một nắm hoa.*c)* Ánh nắng lên tới bờ cát, l­ướt qua những thân tre nghiêng nghiêng, vàng óng. Nắng đã chiếu sáng loá cửa biển. Xóm l­ưới cũng ngập trong *ánh nắng* đó. *Sứ*nhìn những làn gió bay lên từ các mái nhà chen chúc của bà con làng biển. *Sứ*còn thấy rõ những vạt l­ưới đan bằng sợi ni lông óng ánh phất phơ bên cạnh những vạt l­ưới đen ngăm trùi trũi. *Nắng* sớm đẫm chíếu ng­ười *Sứ*. Ánh nắng chiếu vào đôi mắt *Sứ*, tắm m­ượt mái tóc, phủ đầy đôi vai tròn trịa của *chị*. |
| **3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)** |
| - Vận dụng cách liên kết câu vào nói và viết. | - HS nghe và thực hiện |
| - GV nhận xét tiết học- Yêu cầu HS về nhà làm nhẩm lại các BT 1,2 ; chuẩn bị giấy bút làm bài kiểm tra viết. | - HS nghe và thực hiện |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 2: Toán**

**ÔN TẬP VỀ SỐ TỰ NHIÊN**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức**

**-** Biết đọc,viết, so sánh các số tự nhiên và dấu hiệu chia hết cho 2,3, 5, 9.

**-** HS vận dụng kiến thức làm bài 1, bài 2, bài 3 (cột 1), bài 5.

2. **Năng lực:**

+ Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

**1. Đồ dùng**

- GV: Máy tính, tivi

- HS: SGK, vở

**2.Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp: làm mẫu, quan sát, vấn đáp, giảng giải, thực hành luyện tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)** |
| - Cho HS chơi trò chơi "Bắn tên" nêu dấu hiệu chia hết cho 2,3,5,9.- GV nhận xét- Giới thiệu bài - Ghi vở  | - HS chơi trò chơi- HS nghe- HS ghi vở |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)***\* Mục tiêu:* - Biết đọc,viết, so sánh các số tự nhiên và dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9.- HS vận dụng kiến thức làm bài 1, bài 2, bài 3 (cột 1), bài 5.*\* Cách tiến hành:* |
| **Bài 1: HĐ cặp đôi**- Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS làm bài theo cặp đọc cho nhau nghe mỗi số rồi nêu giá trị của chữ số 5 trong mỗi số đó.- GV nhận xét, kết luận**Bài 2: HĐ cá nhân**- Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS làm bài cá nhân- GV nhận xét, chốt lời giải đúng. Yêu cầu HS nêu cách tìm**Bài 3(cột 1): HĐ cá nhân**- Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS làm bài - GV nhận xét, chốt lời giải đúng.  **Bài 5: HĐ cá nhân**- Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS làm bài - GV nhận xét, kết luận lời giải đúng | - HS đọc yêu cầu- HS làm bàia) Đọc các số70815: Bảy mươi nghìn tám trăm mười lăm.975806: Chín trăm bảy lăm nghìn tám trăm linh sáu.5720800: Năm triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn tám trăm.b) Nêu giá trị của chữ số 5 trong mỗi số trên- Viết số thích hợp vào chỗ chấm để có:- Cả lớp làm vào vở, 1 HS chia sẻ kết quả:a, Ba số tự nhiên liên tiếp:998 ; 999 ; 10007999 ; 8000 ; 800166665 ; 66666 ; 66667b, Ba số chẵn liên tiếp:98 ; 100 ; 102996 ; 998 ; 10002998 ; 3000 ; 3002c, Ba số lẻ liên tiếp:77 ; 79 ; 81299 ; 301 ; 3031999 ; 2001 ; 2003- HS đọc- HS cả lớp làm vào vở, 1HS lên bảng làm bài, chia sẻ cách làm:1000 **>** 9976987 **<** 10 087 7500 : 10 **=**  750- Tìm chữ số thích hợp để khi viết vào ô trống ta được:- HS cả lớp làm vào vở, sau đó chia sẻ kết quảa) 243; b) 207; c) 810; d) 465 |
| **3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)** |
| - Cho HS nêu lại các dấu hiệu chia hết đã học | - HS nêu |
| - Về nhà tìm hiểu thêm các dấu hiệu chia hết cho một số khác, chẳng hạn như dấu hiệu chia hết cho 4, 8 | - HS nghe và thực hiện+ Những số có hai chữ số cuối tạo thành một số chia hết cho 4 thì số đó chia hết cho 4.+ Những số có 3 chữ số cuối tạo thành một số chia hết cho 8 thì chia hết cho 8. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

***Chiều***

**Tiết 5: Toán ( bổ sung)**

**LUYỆN TẬP**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức:**

- Ôn lại kiến thức về tính vận tốc, thời gian, quang đường

- Vận dụng giải các bài toán có liên quan.

**2. Năng lực:**

- NL tự học và giải quyết vấn đề, NL toán học.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG

- Máy soi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động****- HS chơi trò chơi truyền điện**Một ô tô đi từ tỉnh A đến tỉnh B hết 6 giờ. Hãy tính vận tốc của ô tô biết tỉnh A cách tỉnh B 240km?Trả lời: Vận tốc của ô tô là: ...........km/h.**2. Luyện tập****Bài 1.** Bác An đi xe máy từ Hà Nội về Hải Phòng lúc 7 giờ sáng, bác nghỉ giữa đường 30 phút và tới Hải Phòng lúc 11 giờ 30 phút. Hãy tính vận tốc bác An đi biết quãng đường Hà Nội - Hải Phòng dài 171,6km?**Bài 2.** Một người đi xe máy từ nhà lên huyện với vận tốc 24 km/giờ trong thời gian 45 phút. Sau đó quay về nhà với vận tốc 30 km/giờ. Tính thời gian người đó đi từ huyện về nhà.**Bài 3**. Hai ô tô cùng xuất phát từ A để đi đến B. Xe thứ nhất đi với vận tốc 45 km/giờ, xe thứ hai đi với vận tốc bằng 4/5 vận tốc của xe thứ nhất. Tính thời gian mỗi xe đi từ A đến B, biết độ dài quãng đường AB là 108km.**3. Củng cố, dặn dò**- Nêu cảm nhận về tiết học | - HS chơi trò chơi - HS đọc và trả lời câu hỏi- HS làm bảng- Chia sẻ- Nêu cách làm- HS nêu đề bài- HS làm vở- Soi bài- HS nêu đề bài- HS làm vở- Soi bài- Học sinh nêu  |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 7: Đọc sách**

**NƯỚC KHÔNG ĐƯỢC CHIA**

I. MỤC TIÊU

- Cảm nhận được tình yêu của Bác Hồ dành cho những chiến sĩ kiên cường với ý chí đấu tranh vì độc lập, tự do, thống nhất cho Tổ quốc

- Hiểu được thống nhất Tổ quốc là gì.

- Trân trọng giá trị của thống nhất đất nước và có những hành động cụ thể

II. CHUẨN BỊ:

-Tài liệu Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống – Bảng phụ ghi mẫu Thẻ chơi trò chơi - Phiếu học tập ( theo mẫu trong tài liệu)

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

1. KT bài cũ: Cờ nước ta phải bằng cờ các nước

 + Câu chuyện gợi cho chúng ta suy nghĩ gì về tấm lòng của Bác đối với đồng bào, đồng chí?( 2 HS trả lời – GV nhận xét)

2. Bài mới: Bài 7: Nước không được chia

a.Giới thiệu bài

b.Các hoạt động

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| . Hoạt động 1: - GV đọc câu chuyện “ :Nước không được chia ” cho HS nghe. HDHS làm phiếu học tập.+ Đánh dấu (X) vào ô trống trước ý thích hợp

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Đ | S |
| 1 | Đồng chí Lê Nhật Tụng được dự đại hội CSTĐ vì có chiến công đặc biệt xuất sắc |  |  |
| 2 | Bác Hồ tiếp các chiến sĩ trong không khí trang trọng, nghiêm túc |  |  |
| 3 | Khi chia tay Bác đã dặn các chiến sĩ: “Nước thì nhất định không được chia” |  |  |
| 4 | Lời dặn của Bác đã nhắn nhủ, động viên và khẳng định quyết tâm thống nhất nước nhà. |  |  |

+ Bác Hồ dành nhiều thời gian để tiếp và thăm hỏi các chiến sĩ quân giải phóng chứng tỏ điều gì+ Theo em việc nhắc lại lời dăn dò của Bác Hồ ở cuối câu chuyện nhằm nhấn mạnh điều gì?.Hoạt động 2: Trò chơi hiểu nhauGVHD học sinh chơi theo hướng dẫn (TL trang 35)+ Chia sẻ với bạn hiểu biết của em về nhân vật, sự kiện...vừa tìm hiểu.Hoạt động 3: Thực hành, ứng dụng-- Nước ta thống nhất hai miền Bắc Nam vào năm nào?- Khi đất nước ta thống nhất, nhân dân ta sống cuộc sống như thế nào?- Em đang sống trong một đất nước thống nhất. Chia sẻ với bạn những việc em làm trong học tập và rèn luyện để góp phần bảo vệ sự thống nhất ấy.3.Củng cố, dặn dò:- Khi đất nước ta thống nhất, nhân dân ta sống cuộc sống như thế nào?- Nhận xét tiết học | - HS lắng nghe- HS làm phiếu học tập- HS trả lời cá nhân- HS lắng nghe-HS tham gia chơi- HS trả lời cá nhân- Thảo luận nhóm 2- Chia sẻ trong nhóm- HS trả lời |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Thứ Sáu ngày 29 tháng 3 năm 2024**

***Sáng***

**Tiết 2: Toán**

**ÔN TẬP VỀ PHÂN SỐ**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức**

**-** Biết xác định phân số bằng trực giác; biết rút gọn, quy đồng mẫu số, so sánh các phân số không cùng mẫu số.

**-** HS vận dụng kiến thức làm bài 1, bài 2 , bài 3(a, b), bài 4.

**2. Năng lực:**

+ Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, bảng nhóm

- HS: SGK, vở

**2.Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp: làm mẫu, quan sát, vấn đáp, giảng giải, thực hành luyện tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)** |
| - Cho HS chơi trò chơi "Bắn tên": Nêu cách rút gọn và quy đồng mẫu số các phân số?- GV nhận xét- Giới thiệu bài - Ghi bảng  | - HS chơi trò chơi- HS nghe- HS ghi vở  |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)***\* Mục tiêu:* - Biết xác định phân số bằng trực giác; biết rút gọn, quy đồng mẫu số, so sánh các phân số không cùng mẫu số. - HS làm bài 1, bài 2 , bài 3(a, b), bài 4.*\* Cách tiến hành:* |
| **Bài 1: HĐ cá nhân** - Gọi HS nêu yêu cầu- Yêu cầu HS làm bài. Viết phân số chỉ phần đã tô màu của mỗi hình ở phần a và viết hỗn số chỉ phần đã tô màu của mỗi hình ở phần b.- GV nhận xét, kết luận**Bài 2: HĐ cá nhân**- Gọi HS nêu yêu cầu- Yêu cầu HS nêu lại cách rút gọn phân số- Yêu cầu HS làm bài- Lư­u ý HS, khi rút gọn phân số phải nhận đ­ược phân số tối giản, do đó nên tìm xem tử số và mẫu số cùng chia hết cho số lớn nhất nào. - GV nhận xét , kết luận **Bài 3(a, b): HĐ cá nhân**- Gọi HS nêu yêu cầu- Yêu cầu HS tự làm bài- GV giúp HS tìm mẫu số chung bé nhất- GV nhận xét chữa bài **Bài 4: HĐ cá nhân**- Gọi HS nêu yêu cầu- Yêu cầu HS tự làm bài, so sánh 2 phân số cùng mẫu và khác mẫu- GV nhận xét chữa bài | - HS nêu- HS tự làm rồi chia sẻ kết quả:a. Hình 1:  + Hình 2:  Hình 3:  + Hình 4: b) H1: 1 H2: 2 H3: 3 H4: 4 - Rút gọn các phân số:- HS nêu- Cả lớp làm vào vở sau đó chia sẻ cách làm:  - Quy đồng mẫu số các phân số- 2 HS lên bảng làm. Cả lớp làm vào vở, sau đó đổi vở kiểm tra chéo.a,  và b,  và ; giữ nguyên phân số - HS nêu- Cả lớp làm vào vở, 2 HS lên bảng làm, chia sẻ cách làm >   = < |
| **3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)** |
| - GV nhắc lại cách so sánh và quy đồng các phân số | - HS nhắc lại |
| - Về nhà tìm hiểu thêm các cách so sánh phân số khác. | - HS nghe và thực hiện |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 3: Tập làm văn**

**KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**I. KIỂM TRA ĐỌC**

**1. Đọc thành tiếng:**

**2. Đọc - hiểu:**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

**NGƯỜI CHẠY CUỐI CÙNG**

Cuộc thi chạy hàng năm ở thành phố tôi thường diễn ra vào mùa hè. Nhiệm vụ của tôi là ngồi trong xe cứu thương, theo sau các vận động viên, phòng khi có ai đó cần được chăm sóc y tế. Khi đoàn người tăng tốc, nhóm chạy đầu tiên vượt lên trước. Chính lúc đó hình ảnh một người phụ nữ đập vào mắt tôi. Tôi biết mình vừa nhận diện được “người chạy cuối cùng”. Bàn chân chị ấy cứ chụm vào mà đầu gối cứ đưa ra. Đôi chân tật nguyền của chị tưởng chừng như không thể nào bước đi được, chứ đừng nói là chạy. Nhìn chị chật vật đặt bàn chân này lên trước bàn chân kia mà lòng tôi tự dưng thở dùm cho chị, rồi reo hò cổ động cho chị tiến lên. Người phụ nữ vẫn kiên trì tiến tới, quả quyết vượt qua những mét đường cuối cùng. Vạch đích hiện ra, tiếng người la ó ầm ĩ hai bên đường. Chị chầm chậm tiến tới, băng qua, giật đứt hai đầu sợi dây cho nó bay phấp phới sau lưng tựa như đôi cánh.

Kể từ hôm đó, mỗi khi gặp phải tình huống quá khó khăn, tưởng như không thể làm được, tôi lại nghĩ đến “người chạy cuối cùng”. Liền sau đó mọi việc trở nên nhẹ nhàng đối với tôi.

 **Sưu tầm**

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

**Câu 1:** (0,5 điểm) Cuộc thi chạy hàng năm diễn ra vào thời gian nào?

A. Mùa hè

B. Mùa đông

C. Mùa xuân

D. Mùa thu

**Câu 2:** (0,5 điểm) Nhiệm vụ của nhân vật “tôi” trong bài là:

A. Đi thi chạy.

B. Đi cổ vũ.

C. Đi diễu hành.

D. Chăm sóc y tế cho vận động viên.

**Câu 3:** (0,5 điểm) Sau cuộc thi chạy, tác giả nghĩ đến ai khi gặp khó khăn?

A. Mẹ của tác giả

B. Bố của tác giả

C. Người chạy cuối cùng

D. Giáo viên dạy thể dục của tác giả

**Câu 4:** (0,5 điểm) “Người chạy cuối cùng” trong cuộc đua có đặc điểm gì?

A. Là một em bé với đôi chân tật nguyền

B. Là một người phụ nữ có đôi chân tật nguyền.

C. Là một cụ già yếu ớt cần sự giúp đỡ

D. Là một người đàn ông mập mạp

**Câu 5:** (0,5 điểm) Trong câu sau: ***“Tôi biết mình vừa nhận diện được “người chạy cuối cùng”. Bàn chân chị ấy cứ chụm vào mà đầu gối cứ đưa ra.”*** có mấy đại từ?

A. Một đại từ. Đó là: …………………..

B. Hai đại từ. Đó là: …………………..

C. Ba đại từ. Đó là: …………………..

D. Bốn đại từ. Đó là: …………………..

**Câu 6**: (0,5 điểm) Từ **“băng”** trong các từ **“băng giá, băng bó, băng qua”** có quan hệ với nhau như thế nào?

A. Đó là một từ nhiều nghĩa.

B. Đó là những từ trái nghĩa

C. Đó là những từ đồng nghĩa.

D. Đó là những từ đồng âm

**Câu 7:** (1 điểm) Qua câu chuyện em rút ra được bài học gì cho bản thân?

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

**Câu 8**: (1 điểm) Trong câu ghép “***Nhìn chị chật vật đặt bàn chân này lên trước bàn chân kia mà lòng tôi tự dưng thở dùm cho chị, rồi reo hò cổ động cho chị tiến lên.*”** có mấy vế câu? Các vế câu được nối với nhau bằng cách nào?

A. Một vế câu. Nối với nhau bằng cách:…………………………………

B. Hai vế câu. Nối với nhau bằng cách:………………………………….

C. Ba vế câu. Nối với nhau bằng cách:…………………………………..

D. Bốn vế câu. Nối với nhau bằng cách:………………………………..

**Câu 9**: (1 điểm) **Điền từ thích hợp điền vào chỗ trống để tạo thành câu ghép.**

a. Thủy Tinh dâng nước cao………….Sơn Tinh làm núi cao lên………………

b……………..hôm qua em học bài…………hôm nay em đã không bị điểm kém.

**Câu 10:** (1 điểm) Đặt câu ghép thể hiện mối quan hệ

a. Nguyên nhân - kết quả

...........................................................................................................................

b. Tăng tiến:

.....................................................................................................................................

**II. KIỂM TRA VIẾT:**

**1. Chính tả: Phong cảnh đền Hùng/69** từ **“Theo ngọc phả …..hết”**

**2. Tập làm văn:** Em hãy tả một người bạn thân của em.

**ĐÁP ÁN**

**I. KIỂM TRA ĐỌC**

**1. Đọc thành tiếng: ( 3 điểm)**

**2. Đọc - hiểu: 7 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** |
| **Đáp án** | **A** | **D** | **C** | **B** | **A** | **D** |
| **Điểm** | **0,5** | **0,5** | **0,5** | **0,5** | **0,5** | **0,5** |

**Câu 7: 1 điểm**

Mỗi khi gặp khó khăn hay mệt mỏi cần biết vươn lên trong cuộc sống vì xung quanh ta còn rất nhiều còn khó khăn hơn mình,….

**Câu 8: 1 điểm**

B. Hai vế câu. Nối với nhau bằng một quan hệ từ

**Câu 9**: (1 điểm) **Mỗi phần điển đúng được 0,5 điểm**

a. Thủy Tinh dâng nước cao bao nhiêu, Sơn Tinh làm núi cao lên bấy nhiêu.

b. Giá mà hôm qua em học bài thì hôm nay em đã không bị điểm kém.

**Câu 10:** (1 điểm) Đặt câu ghép thể hiện mối quan hệ:

a. Nguyên nhân - kết quả

Ví dụ: Vì trời mưa nên em đi học muộn.

b. Tăng tiến:

Ví dụ: Nam không nhưng học giỏi mà bạn ấy còn hát hay.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 4: Giáo dục tập thể**

**SINH HOẠT LỚP**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Giúp HS nắm được nội quy của nhà trường, của lớp.

- Giúp HS nhận biết được ưu nhược điểm của mình và của bạn trong tuần qua.

- Giúp HS có ý thức khắc phục nhược điểm và phát huy những ưu điểm.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Hoạt động khởi động:****\* Mục tiêu:** Tạo hứng thú học tập\* Cách tiến hành:- Gọi lớp trưởng lên điều hành:**2. Nội dung sinh hoạt:**- GV nêu các yêu cầu cần thực hiện trong các hoạt động của lớp.- Giao nhiệm vụ cho tổ trưởng, lớp trưởng - Thành lập các đôi bạn cùng tiến.- Triển khai công tác tuần tới. - Phát động HS tích cực hưởng ứng phong trào thi đua ***3. Giáo viên tổng kết***- GV nhận xét giờ học và tổng kết các phong trào thi đua trong tuần.- Tuyên dương HS có thành tích nổi bật. | **-** Lớp trưởng lên điều hành:- Cả lớp cùng thực hiện.- HS lắng nghe và trả lời.- Lớp trưởng điều hành các tổ báo cáo ưu và khuyết điểm của các tổ- HS lắng nghe.- Lớp trưởng điều hành các tổ thảo luận và báo cáo kế hoạch tuần tới |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_